

TIÊU TAI CÁT TƯỜNG THẦN CHÚ

Soạn dịch: HUYỀN THANH



Tiêu Tai Các Tường Thần Chú có tên gọi đầy đủ là **Xí Thịnh Quang Đại Uy Đức Tiêu Tai Cát Tường Đà La Ni**. Lại có tên gọi khác là **Đại Hỏa Luân Kim Cương Chú**, **Xí Thịnh Quang Phật Đỉnh Chân Ngôn**

ॐ मः समं व वं नं म्पुत्रं न म्पुत्रं
ॐ ह्रस्व उं वरव वरु वरुं ॐ ॐ व्र व्र व्र व्र व्र व्र व्र व्र व्र व्र व्र
ॐ ॐ म्र

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM APRATIḤATA-ŚASANĀNĀM
TADYATHĀ: OM_KHAKHA_KHAHI_KHAHI_HŪṢ HŪṢ_JVALA
JVALA_PRAJVALA_PRAJVALA_TIṢṬA TIṢṬA_ṢṬRI ṢṬRI_SPHAṬ
SPHAṬ_ŚĀNTIKA ŚRĪYE_SVĀHĀ

Chân Ngôn này y theo Bản Thệ của **Xí Thịnh Quang Phật Đỉnh (Prajvalosṅīṣa)** tạo thành Pháp bí mật giúp cho người tu trì dứt trừ tai nạn

Xí Thịnh Quang Phật Đỉnh còn có tên gọi là **Nhiếp Nhất Thiết Phật Đỉnh Minh Vương** là một Hóa Tôn phần nộ do Đức Phật **Thích Ca Mâu Ni (Śākya-muṇi)** biến hóa ra để giáo hóa chúng sinh. Do từ các lỗ chân lông trên thân của Tôn này phát ra ánh lửa sáng rực rỡ hay **dạy bảo sai khiến (giáo lệnh)** chiết phục chư Thiên của nhóm **Quang Diệu** là mặt trời, mặt trăng, tinh tú.. mà có tên gọi là **Xí Thịnh Quang (Prajvala)**

Trong **Thai Tạng Giới Man Đa La** (Garbha-dhātu-maṇḍala) thì Tôn này được xem là đồng Thể với **Tối Thắng Phật Đỉnh** (Vijayoṣṇīṣa). Ngoài ra cũng có thuyết cho rằng Ngài là một Thể với **Quang Tụ Phật Đỉnh** (Tejorāśi-uṣṇīṣa) hay **Nhất Tụ Kim Luân Phật Đỉnh** (Ekāṣaroṣṇīṣa-cakra)

Chữ chủng tử của Tôn này là: BHRŪM (ॐ)

Khi xảy ra hiện tượng **Nhật Nguyệt Thực**, trời thay đổi, đất nghiêng động, gió, mưa gây ra tai vạ thì có thể tu Pháp này để trừ họa chiêu Phước và gọi là **Xí Thịnh Quang Pháp** với Bản Tôn của Pháp tu là **Xí Thịnh Quang Phật Đỉnh**

Phật Thuyết Đại Oai Đức Kim Luân Phật Đảnh Xí Thịnh Quang Như Lai Tiêu Trừ Nhất Thiết Tai Nạn Đà La Ni Kinh ghi nhận là:

Đức Phật bảo: “Nếu trong quốc giới hoặc nơi các chỗ cùng Thiện nam tử, nữ nhân bị các Thiên Tinh lâm vào thân hình, nên viết chép kinh này chí tâm thọ trì đọc tụng, thường phải hộ tịnh. Đà La Ni này tất cả Như Lai đều nói, hay thành tựu 8400 các việc tốt lành, hay tiêu trừ 8400 các việc xấu ác. Nếu như Quốc Vương, Đại thần, quyền thuộc cùng nhân dân hoặc bị Ngũ Tinh, La Hầu, Kế Đô, Tuệ Bội, quái ác các Tinh Tú, lăng bức đế tòa, hoặc trong nước, trong nhà, hoặc nơi **phần dã** (đồng trống) các cung mạng khởi lên các tai nạn, hoặc Thổ Tinh lăng bức hoặc tới hoặc lui, hoặc oan gia nhiều đời muốn mưu hại, các ác hoạn sự, khẩu thiệt, ếm đối, chú tà, bùa ngải làm ra các tai nạn, khiến các chúng sanh y Pháp thọ trì, tất cả tai họa không làm hại được, chuyển họa thành phước, đều đặn an lành. Ta nói Đà La Ni này công đức không thể suy lường so sánh được. Cần bí mật thọ trì, không nên vọng truyền”.

Đức Phật bảo Đại Chúng: “Nếu trong quốc giới, tai nạn nổi lên không được an ổn, nam tử, nữ nhân bị các biến quái, nên thỉnh chúng Tăng như Pháp tạo lập Đàn Tràng, an trí tượng Phật, giữ gìn Giới hạnh, hương hoa, đèn, nến, tùy phần cúng dường, khiến cho chúng sanh được phước vô lượng, các tai nạn đều tiêu trừ”.

Ý nghĩa căn bản của Thân Chú này là:

ॐ नमो समन्त बुद्धेभ्यः

* NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM

Quy mệnh khắp cả chư Phật

ॐ अप्रतिहतासंनमः

* APRATIHATA-ŚASANĀNĀM

Các Bậc không có chướng ngại

ॐ तद्यथा

* TADYATHĀ

Như vậy, liền nói Chú là

ॐ

* OM

Tam Thân quy mệnh

ॐ क्हा

* KHA KHA

Chữ KHA có nghĩa là Hư Không. Thế Gian cùng nhau công nhận là Pháp VÔ TÁC. Nếu tất cả các Pháp vốn chẳng sinh, lia các sự tạo tác thì rốt ráo như tướng Hư Không. Các Pháp như tướng Hư Không đó là tướng chẳng hư dối. Do dùng hai lần chữ KHA biểu thị cho các Pháp vốn chẳng tạo tác, bình đẳng như Hư Không.

𑖀𑖀 𑖀𑖀

* KHAHI KHAHI

Chữ KHA là Hư Không

Chữ HI gồm có chữ HA là NHÂN và chữ I là CĂN GỐC

Do đó KHAHI tức là Nhân Căn của các Pháp như Hư Không. Vì dùng hai lần chữ KHAHI biểu thị cho Nhân Căn của các Pháp vốn chẳng sinh, bình đẳng như Hư Không

Do tướng Hư Không chẳng thể đắc nên KHAKHA KHAHI KHAHI biểu thị cho tướng VÔ KIẾN ĐỈNH của Như Lai.

𑖀𑖀 𑖀𑖀

* HŪM HŪM

Chữ HŪM là Nhân Khủng Bố. Do hai lần dùng chữ HŪM nên phá diệt hai loại Phiền Não không còn dư sót khiến cho Trọng Chương Nhị Biên rốt ráo thanh tịnh

𑖀𑖀 𑖀𑖀

* JVALA JVALA

Chữ JVALA có nghĩa là Cháy Bùng nên biểu thị cho ánh lửa rực rỡ, hoặc mang nghĩa Tỏa ánh sáng rực rỡ (Phóng Quang). Do hai lần dùng chữ JVALA nên thiêu cháy hết cả NANG CHẤP và SỞ CHẤP thành tựu sự thanh tịnh

𑖀𑖀 𑖀𑖀

* PRAJVALA PRAJVALA

Chữ PRAJVALA có nghĩa là Vô Thượng Quang Diễm (ánh lửa rực rỡ vô thượng). Do hai lần dùng PRAJVALA biểu thị cho sự phóng ánh sáng Vô Thượng từ Đỉnh Kế của Phật gia trì cho chúng sinh trừ diệt các Ái để được sự chẳng nhiễm dính sáu Trần.

𑖀𑖀 𑖀𑖀

* TIṢṬA TIṢṬA

Chữ TIṢṬA có nghĩa là Kiên Trú. Do hai lần dùng chữ TIṢṬA nên biểu thị cho sự cầu nguyện được an trú vững chắc trong sự gia trì của Phật Đỉnh để diệt trừ các Ái chẳng nhiễm sáu Trần.

𑖀𑖀 𑖀𑖀

* ṢṬRI ṢṬRI

Chữ ṢṬRI có nghĩa là Bụi Trần phá hoại khiến cho trì độn chậm chạp. Do hai lần dùng chữ ṢṬRI biểu thị cho sự trì độn chậm chạp phá hoại của Nội Chương và Ngoại Chương.

𑖀𑖀 𑖀𑖀

* SPHAṬ SPHAṬ

Chữ SPHAṬ có nghĩa là Phá Hoại Tồi Diệt. Do hai lần dùng chữ SPHAṬ nên phá bại diệt trừ được sự tàn phá trì độn chậm chạp của Nội Chương và Ngoại Chương.

𑖀𑖀 𑖀𑖀

* ŚĀNTIKA

Chữ ŚĀNTIKA có nghĩa là Túc Tai nên dùng chữ này để dứt trừ chận đứng mọi tai họa, nạn chướng.

𑖀𑖀 𑖀𑖀

* ŚRĪYE

Chữ ŚRĪYE có nghĩa là Cát Tường. Dùng Chữ này biểu thị cho sự đạt đến mọi điều an vui khoái lạc.

𑖀𑖀 𑖀𑖀

* SVĀHĀ

Thành tựu

Toàn Bài Chú trên có thể diễn dịch là :

“Quy mệnh hết thầy chư Phật, các Bạc Vô Chương Ngại ở khắp mười phương

Như vậy! hỡi ánh lửa rực rỡ của Như Lai Vô Kiến Đỉnh Tướng đã thiêu cháy mọi NANG CHẤP, SỞ CHẤP hãy tỏa sáng rực rỡ khiến cho con được an trú trong sự gia trì này nhằm phá tan sự trì độn chậm chạp của Nội Chương và Ngoại Chương. Đồng thời khiến cho con dứt trừ được mọi tai nạn, thành tựu sự an vui tốt lành”

21/08/2015